TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: **97/2026**/QĐST - HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 06 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 300/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé N, sinh năm 1984; CCCD 083184011857.

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bé N tham gia tố tụng liên quan đến phần chia tài sản chung: ông Đinh Văn N1, sinh năm 1977. Nơi cứ trú: Số C ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Ông Đinh Viết T, sinh năm 1981; CCCD 083081018637

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 38,59, 51, 55, 81,82, 83,84, 85, 110, 115, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Bé N và ông Đinh Viết T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé N và ông Đinh Viết T tự nguyện thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Bé N và ông Đinh Viết T chấm dứt kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Trần Thị Bé N và ông Đinh Viết T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Giao cho ông Đinh Viết T được trực tiếp nuôi con chung tên Đinh Thanh N2, sinh ngày 27/5/2009. Bà Trần Thị Bé N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung một lần cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi với số tiền 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung:

Ông Đinh Viết T và bà Trần Thị Bé N thống nhất tổng cộng giá trị tài sản theo định giá là 423.237.000 đồng; trong đó thửa đất số 647, tờ bản đồ số 04, diện tích 197,6m^2, tọa lạc ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đinh Viết T ngày 13/6/2016, số vào sổ cấp GCN:CS04488 với giá 296.000.000 đồng và toàn bộ ngôi nhà và vật kiến trúc xây hết trên đất có giá là 126.837.000 đồng

Giao cho ông Đinh Viết T được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 647, tờ bản đồ số 04, diện tích 197,6m^2, tọa lạc ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đinh Viết T ngày 13/6/2016, số vào sổ cấp GCN:CS04488 và toàn bộ ngôi nhà và vật kiến trúc xây hết trên đất cụ thể như sau: Nhà chính kết cấu nhà một tầng, cột bê tông cốt thép, vách xây gạch, không trần nên lát gạch C, mái tol tráng kẽm;

Mái che trước nền lát gạch, khung thép mái tol; Mái che sau tường xây gạch, nền lát gạch, khung bê tông cốt thép; Cổng rào trụ ốp gạch Ceramic cổng song sắt.

Ông Đinh Viết T có trách nhiệm hoàn trả ½ giá trị tài sản chung cho bà Trần Thị Bé N với số tiền 211.618.500 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Bé N và ông Đinh Viết T thống nhất cấn trừ vào số tiền cấp dưỡng nuôi con chung vào số tiền chia tài sản chung là 45.000.000 đồng. Ông Đinh Viết T có trách giao cho bà Trần Thị Bé N số tiền còn lại là 166.618.500 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Bé N và ông Đinh Viết T trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Bé N tự nguyện chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004706 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long và đã nộp xong.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí cấp dưỡng: Bà Trần Thị Bé N chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004706 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long và đã nộp xong.

+ Án phí chia tài sản chung:

Ông Đinh Viết T phải chịu là 10.500.925 đồng.

Bà Trần Thị Bé N phải chịu là 10.500.925 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.185.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008916 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long và đã nộp xong. Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho bà Trần Thị Bé N số tiền 4.684.575 đồng

Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Bé N tự nguyện chịu là 8.438.400 đồng và đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê